

Bản án số: 17/2018/HSPT

Ngày: 09-03-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

- Các thẩm phán:

1. Bà: Trần Thị Lan

2. Ông: Sùng A Xà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Công - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/HSPT ngày 13 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Trương Thế Đ và Nguyễn Văn H do có kháng cáo của các bị cáo và là người bị hại Trương Thế Đ và Nguyễn Văn H đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2018/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Thế Đ (Tên gọi khác: Không). Sinh năm: 1971, tại: tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: thợ hàn; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; con ông Trương Quang Ng (Trương Thế B), sinh năm 1937 và bà Vũ Thị V, sinh năm 1945; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Năm 1989 bị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 3 năm. Ngày 26/5/1994 bị Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 23/9/1998 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội “Hiếp dâm”, các bản án này đều được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/3/2017. Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: Không). Sinh năm: 1985, tại: tại Q, Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Nơi cư trú: Số nhà: 236, tổ 8, phường B, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; con ông Nguyễn

Văn H1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H2 sinh năm 1965; có vợ Trần Kiều O sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/3/2017 đến 10/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Thế Đ.

1. Ông Trần Ngọc T1 - Bào chữa viên nhân dân.

Nơi cư trú: Số nhà 55, tổ 27, phường M, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bà: Nguyễn Thị Minh Ch – Luật sư, Văn phòng luật sư B và cộng sự đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 521 đường Trương D, phường M, quận H, Hà Nội. Có mặt.

- Người giám định: Ông Hoàng Tiến T2 - Bác sĩ, Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị V - Sinh năm: 1945.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng: Ông Trần Văn Th - Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1. Ông Mào Văn S - Bác sĩ, Phó trưởng khoa, khoa chấn thương chỉnh hình bệnh viện tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị X - sinh năm: 1967.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Ông Trần Công L - sinh năm: 1952.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

4. Bà Bùi Thị N - sinh năm: 1957.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

5. Bà Bùi Thị N1 - sinh năm: 1960.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

6. Bà Vũ Hải Y - sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

7. Bà Phan Thị H - sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Thiên T3 - sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

9. Ông Vũ Văn C - sinh năm: 1958.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

10. Bà Trần Kiều O - sinh năm: 1989.

Nơi ĐKKHHTT: Tổ 7, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Số nhà: 236, tổ 8, phường B, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

11. Bà Nguyễn Thị T4 - sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: xã C, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

12. Ông Bùi Ngọc Đ1- sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Đội 15, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

13. Cháu: Trần Thị D – sinh năm: 2000.

Nơi cư trú: Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- **Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng cháu Trần Thị D có ông:** Dương Đức C - Giáo viên trường PTTH huyện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 22/9/2016 Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 27A-027.91 đưa vợ con cùng các em từ nhà của H đến nhà ông Trần Công L và bà Bùi Thị N1 (là bố vợ) ở Đội 24, xã N, huyện B, tỉnh Điện Biên chơi. H để xe trước cửa nhà ông L. Sau khi ăn cơm tối xong, khoảng 20 giờ H cùng mọi người ra xe đi về thì phát hiện sườn xe phía tay lái bị xước sơn một vạch dài và trên nắp ca pô cũng bị vết cào xước sơn. H đã gọi ông L, bà N1 ra xem. Ông L có đến các nhà hàng xóm xung quanh để hỏi xem có ai biết ai là người cào xước xe nhưng không ai biết. H nghi ngờ anh Trần Văn Th ở gần đó là người gây ra vết xước xe nói trên nên đến nhà anh Th để hỏi. Khi sang nhà Th gặp Th, vợ và con gái của Th ở nhà H đã hỏi cả ba người về việc có biết ai gạch vào xe của mình nhưng cả ba người đều trả lời không biết. Cùng lúc Trương Thế Đ từ phía nhà tắm của anh Th đi ra, H hỏi Đ cũng không biết. Hai bên lời qua tiếng lại H đã có những lời lẽ xúc phạm và ám chỉ việc Đ và anh Th là người gây ra việc xước xe của H. Hai bên to tiếng và thách thức đánh nhau. Sau đó H chạy về nhà bố vợ lấy 01 chiếc xẻng, còn Đ chạy vào nhà anh Th lấy 01 chiếc câu liêm. Sau đó H cầm xẻng và Đ cầm câu liêm đứng trước cửa nhà anh Th tiếp tục thách thức đánh nhau. H giơ xẻng lên bằng tay phải và nói “Xẻng tao dài hơn dao mày”. Sau đó H và Đ cùng xông vào đánh nhau. H giơ xẻng đập từ trên

xuống trúng vào phần đầu bên trái của Đ, do cán xẻng mục nên gãy rời khỏi lưỡi xẻng. H quay người Đ chạy thì Đ bỏ một phát theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào sau lưng bên phải của H. H quay lại dùng cán xẻng tiếp tục đánh nhiều phát về phía Đ, Đ cũng dùng câu liêm bổ nhiều nhát về phía H, có nhát trúng, nhát trượt. Đ đã bỏ một nhát vào thái dương bên trái của H. H tránh được nên gây xước da. H vụt một nhát vào mang tai bên phải của Đ. Cả hai tiếp tục đồn nhau về phía máy hàn trong nhà Th. Đ dùng tay phải giơ câu liêm bổ về phía H. H dùng tay trái đỡ nên câu liêm đã đập trúng tay trái của H đồng thời H nắm giữ phần cán câu liêm. H và Đ giằng co nhau cái câu liêm. Lúc này Đ vấp gót giày nên ngã nghiêng về phía đóng sắt vụn chỗ máy hàn. H dùng tay phải đang cầm cán xẻng đập nhiều nhát về phía tay phải của Đ. Cùng lúc ông Trần Công L chạy sang can. Ông L đứng phía sau H hỗ trợ cùng H giật câu liêm trên tay Đ. Sau đó ông L ôm ông H về bên nhà. Trên tay H vẫn cầm cả câu liêm và cán xẻng. H và Đ cùng được người nhà đưa đi cấp cứu ở bệnh viện Đa khoa huyện B sau đó chuyển đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên để điều trị. Trương Thế Đ điều trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên từ ngày 22/9/2016 đến ngày 11/10/2016 thì ra viện. Nguyễn Văn H được người nhà chuyển tiếp đến bệnh viện Việt - Đức Hà Nội điều trị từ ngày 23/9/2016 thì ra viện.

Sau khi nhận được nguồn tin hồi 21 giờ 00 phút cùng ngày, Công an huyện B có mặt tại hiện trường lập biên bản sự việc, thu giữ các vật chứng gồm 01 (một) cán xẻng bằng tre, 01 (một) lưỡi xẻng bằng kim loại, 01 (một) câu liêm bằng sắt; Ngày 27/9/2017 thu giữ 01 đèn pin do bà Vũ Thị V mang giao nộp.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 93/TgT ngày 25/10/2016; trung tâm giám định pháp y tỉnh Điện Biên đã giám định thương tích đối với Trương Thế Đ: Đ bị 01(một) vết thương phần mềm vùng đỉnh trái; 01(một) vết thương phần mềm ở phía trong vành tai phải; 01(một) vết mổ kết hợp xương ở mặt sau cẳng tay phải. Vết mổ đang liền sẹo và các sẹo phần mềm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 9%; Vỡ mỏm khủy tay phải đã phẫu thuật kết hợp xương tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Trương Thế Đ theo phương pháp cộng lùi là 22,65% (làm tròn số là 23%) Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho Trương Thế Đ hiện tại là 23%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 105/TgT ngày 05/12/2016; Trung tâm giám định pháp y tỉnh Điện Biên đã giám định thương tích đối với Nguyễn Văn H: H bị 01(một) vết thương phần mềm vùng thái dương trái; 01 (một) vết thương phần mềm ở bả vai phải; 01(một) vết thương phần mềm ở khoang liên sườn 6,7; 01 (một) vết thương phần mềm ở khoang liên sườn 8,9 đường nách giữa bên phải; 01 (một) vết thương phần mềm ở vùng lưng bên phải; 02 (hai) sẹo phần mềm ở 1/3 dưới mặt ngoài cẳng tay trái. Cận lâm sàng và khám chuyên khoa: Chụp CT Scanner lồng ngực ngày 05/12/2016 kết quả: Tràn dịch màng phổi phải + Viêm rãnh liên thùy phổi phải. Chụp X quang cẳng tay trái thẳng + nghiêng ngày 05/12/2016 kết quả: Gãy 1/3

dưới trụ trái, đã phẫu thuật kết hợp xương. Các sẹo phần mềm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là: 9%; gãy 1/3 dưới xương trụ trái, đã phẫu thuật kết hợp xương là 8%; căn màng phổi phải sau tràn khí, tràn máu màng phổi phải là 10%. Áp dụng tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Nguyễn Văn H theo phương pháp cộng lùi là 24,65% (làm tròn số là 25%) Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Nguyễn Văn H là 25%.

Tại bản cáo trạng số: 102/KSĐT ngày 22/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo Trương Thế Đ và Nguyễn Văn H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên quyết định:

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trương Thế Đ, Nguyễn Văn H phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999; Điểm h Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 đối với bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam là 20 ngày.

Áp dụng khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999; Điểm h Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 đối với bị cáo Trương Thế Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 22/3/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án.

Ngày 14/11/2017, Trương Thế Đ có đơn kháng cáo kêu oan sai.

Ngày 16/11/2017 Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H đã cung cấp thêm các chứng cứ mới: Giấy biên nhận ngày 08/03/2017, Biên bản thỏa thuận về đền bù thiệt hại của các bị cáo ngày 8/6/2017; Biên bản làm việc ngày 18/4/2017 và giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do: Bị cáo có 02 con còn nhỏ, vợ không có công ăn việc làm, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo ăn năn tội lỗi và đã bồi thường khắc phục hậu quả, có đề nghị giảm trách nhiệm hình sự của bị cáo Đ đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Thế Đ xin thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sai sang nội dung: Bản án hình sự sơ thẩm tuyên tội danh của bị cáo là đúng, không oan, bị cáo nhận có lỗi và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên thể hiện như sau: Ghi nhận sự cung cấp chứng cứ của bị cáo H và nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Trương Thế Đ. Về hình thức đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo vì nằm trong hạn luật định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận các chứng cứ mà bị cáo Nguyễn Văn H đã cung cấp về việc thỏa thuận dân sự giữa hai bên cũng như sự thành khẩn của bị cáo Trương Thế Đ tại phiên tòa phúc thẩm, chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của Trương Thế Đ. Từ đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355/BLTTHS năm 2015 sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999 nay là khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bố các bị cáo Trương Thế Đ, Nguyễn Văn H phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 357/BLTTHS năm 2015 sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt đối với bị cáo Trương Thế Đ cụ thể: Áp dụng khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999 nay là khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47/BLHS năm 1999 nay là Điểm b,s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để tuyên phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng Điểm e khoản 1 Điều 357 sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn H vì tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H đã cung cấp thêm các chứng cứ mới: Giấy biên nhận ngày 08/03/2017, Biên bản thỏa thuận về đền bù thiệt hại của các bị cáo ngày 8/6/2017; Biên bản làm việc ngày 18/4/2017 và giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do: Bị cáo có 02 con còn nhỏ, vợ không có công ăn việc làm, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo ăn năn tội lỗi và đã bồi thường khắc phục hậu quả, có đề nghị giảm trách nhiệm hình sự của bị cáo Trương Thế Đ đối với bị cáo. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999 nay là khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 60/BLHS năm 1999 nay là Điểm b,s Điều 51, Điều 65/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bị cáo 3 (ba) năm tù cho hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng với gia đình giám sát giáo dục.

Tranh luận tại phiên tòa, người bào chữa: Đồng ý một phần nội dung giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ cần xem xét dấu hiệu hình sự đối với ông Trần Công L. Luật sư cho rằng bản án sơ thẩm còn vi phạm về tố tụng đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xong quan điểm của Viện Kiểm sát cho rằng tại cấp

sơ thẩm các thủ tục đã được tiến hành đúng tổ tụng. Các bị cáo không có ý kiến gì. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo Trương Thế Đ xin tòa xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn H xin giảm án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người giám định, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trương Thế Đ và Nguyễn Văn H đề các ngày 14/11/2017 và ngày 16/11/2017 là trong hạn luật định theo Điều 331; Điều 333/BLTTHS năm 2015 được coi là hợp lệ.

[2]. Nội dung: Các bị cáo đều khẳng định án sơ thẩm tuyên các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là không oan sai và đều khẳng định: Khoảng 17 giờ ngày 22/9/2016, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do Nguyễn Văn H đã nghi ngờ Trương Thế Đ là người gây ra vết gạch xước trên xe của mình. Bị cáo H và Đ do thiếu ý thức, không làm chủ được bản thân nên đã có lời qua tiếng lại và cãi nhau dẫn đến phạm tội. Các bị cáo đã sử dụng câu liêm, xéng là hung khí nguy hiểm để gây ra thương tích cho nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999 nay là khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thỏa thuận và đã cung cấp cho tòa những căn cứ khẳng định các bị cáo đã thống nhất bồi thường dân sự cho nhau và xin lỗi những người liên quan về hành vi trái pháp luật của mình. Việc đề nghị của vị đại diện của Viện kiểm sát về xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ và xem xét cho bị cáo H được hưởng án treo theo nội dung đã trình bày trên. HĐXX xét thấy:

Đối với bị cáo Trương Thế Đ tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội lỗi và đã có khắc phục hậu quả, qua đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 do đó có đủ cơ sở áp dụng Điều 47/BLHS năm 1999 nay là Điểm b,s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát tuyên xử bị cáo dưới khung hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Có tình tiết Điểm b,p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999 nay là Điểm b,s Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có nơi cư trú rõ ràng không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt, bị cáo là lao động chính trong gia đình, con bị cáo còn nhỏ, vợ bị cáo không có công ăn việc làm.

HĐXX thấy cần chấp nhận của vị đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội với sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giúp bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về dân sự: Các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Về vật chứng: Sửa án sơ thẩm tuyên trả cho ông Trần Văn Th: 01 (một) câu liêm bằng sắt; Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cán xẻng bằng tre; 01 (một) lưỡi xẻng bằng kim loại; 01(một) đèn pin màu hồng.

[5]. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Khóa 14) quy Đ về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Trương Thế Đ, Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355; Điểm c, e Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2017/HSST ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên. Chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H và nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Trương Thế Đ như sau:

- Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trương Thế Đ, Nguyễn Văn H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Hình phạt: Áp dụng: Khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999 nay là khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999 nay là Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm h Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 đối với bị cáo Nguyễn Văn H: 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày xét xử phúc thẩm (ngày 09/3/2018). Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 104/BLHS năm 1999 nay là khoản 2 Điều 134/BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b,p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999 nay là Điểm b,s Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm h Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết

41/2017/QH14 đối với bị cáo Trương Thế Đ: 12 (mười hai) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/3/2017.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cán xẻng bằng tre; 01 (một) lưới xẻng bằng kim loại; 01 đèn pin màu hồng.

- Trả lại: 01 (một) câu liêm bằng sắt cho ông Trần Văn Th.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 23/6/2017)

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Khóa 14) quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Trương Thế Đ, Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09/3/2018.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện B;
- VKSND huyện B;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người giám định;
- Những người làm chứng;
- Người có QL&NVLQ;
- Người đại diện hợp pháp;
- Phòng HC - STP;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thắng